

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

THỊ TRƯỜNG

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 02 ngày 25/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 18.000.000.000 VNĐ (Mười tám tỷ đồng chẵn).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 02 ngày 25/05/2015, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh xăng dầu.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	22/10/2015	
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch	22/10/2015	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	22/10/2015	
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên	22/10/2015	
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên	22/10/2015	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban	22/10/2015	
Ông Đinh Bé Đính	Thành viên	22/10/2015	
Bà Trương Minh Đức	Thành viên	22/10/2015	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc		
Ông Ma Trung Lập	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc		

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2016

Số: 054/2016/BCTC-AFCMB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 09 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA - IAFC. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 15/09/2015.



ÔNG THẾ DỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2016

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.962.681.247	72.716.187.180
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.352.764.656	8.673.279.596
Tiền	111		2.352.764.656	8.673.279.596
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.371.359.964	13.132.090.312
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.427.225.412	7.137.330.897
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	585.840.000	1.077.640.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.256.862.717	5.474.683.507
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(188.012.000)	(987.441.276)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		289.443.835	429.877.184
Hàng tồn kho	140	5.6	24.230.696.082	50.910.817.272
Hàng tồn kho	141		24.230.696.082	50.910.817.272
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.860.545	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.860.545	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.106.876.614	101.610.554.802
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		77.900.386.413	85.726.546.772
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	73.211.884.208	80.988.623.635
Nguyên giá	222		223.091.913.101	221.533.761.633
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.880.028.893)	(140.545.137.998)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	4.688.502.205	4.737.923.137
Nguyên giá	228		4.953.368.434	4.932.088.434
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.866.229)	(194.165.297)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	5.002.237.423	5.833.809.642
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.002.237.423	5.833.809.642
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		9.204.252.778	10.050.198.388
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.204.252.778	10.050.198.388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.069.557.861	174.326.741.982

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		45.717.639.753	83.549.677.547
Nợ ngắn hạn	310		45.717.639.753	69.115.325.308
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.108.018.111	3.263.502.962
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	77.270.501
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.791.853.805	795.130.887
Phải trả người lao động	314		2.425.411.540	4.981.993.118
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.631.601.734	1.728.547.983
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.137.815.146	2.630.208.581
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	35.387.766.141	54.020.000.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.235.173.276	1.618.671.276
Nợ dài hạn	330		-	14.434.352.239
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	-	14.434.352.239
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.351.918.108	90.777.064.435
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	97.316.918.108	90.742.064.435
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.943.264.691	3.943.264.691
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.772.537.632	53.772.537.632
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.026.262.112	33.906.100.774
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.574.853.673	(18.879.838.662)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(12.331.320.034)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.574.853.673	(6.548.518.628)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.069.557.861	174.326.741.982

ĐÀM THỊ HUYỀN
Người lập biểu

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2016


CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG


Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	228.045.862.885	205.042.641.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	61.667.619	5.600.000
Doanh thu thuần	10		227.984.195.266	205.037.041.454
Giá vốn hàng bán	11	6.3	203.844.190.752	198.753.040.742
Lợi nhuận gộp	20		24.140.004.514	6.284.000.712
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	92.501.823	72.602.967
Chi phí tài chính	22	6.5	3.538.618.077	6.094.432.527
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.390.645.815	6.090.815.321
Chi phí bán hàng	25	6.6	1.098.562.853	1.244.315.444
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.979.786.836	5.919.183.187
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11.615.538.571	(6.901.327.479)
Thu nhập khác	31	6.8	3.703.949.598	2.822.306.774
Chi phí khác	32	6.9	8.744.634.496	2.469.497.923
Lợi nhuận khác	40		(5.040.684.898)	352.808.851
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.574.853.673	(6.548.518.628)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.574.853.673	(6.548.518.628)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11.1	3.287	(4.247)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11.2	3.287	(4.247)


ĐÀM THỊ HUYỀN
Người lập biểu


MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng


NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc
Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG


Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	227.694.410.724	211.800.572.468
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(160.261.236.401)	(174.547.836.694)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.102.751.449)	(9.240.717.102)
Tiền lãi vay đã trả	04	(3.583.592.064)	(6.337.375.644)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.035.418.149	4.098.882.754
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(19.520.806.643)	(17.582.849.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.261.442.316	8.190.676.285
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.579.431.468)	(7.523.566.586)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	64.545.455
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.060.310	61.997.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.515.371.158)	(7.397.023.298)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4.159.704.691
Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	50.150.000.000	75.870.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(83.216.586.098)	(77.430.975.545)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.066.586.098)	2.598.729.146
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(6.320.514.940)	3.392.382.133
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	8.673.279.596	5.280.987.463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2.352.764.656	8.673.369.596


ĐÀM THỊ HUYỀN
Người lập biểu


MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng


NÔNG VĂN LẠC
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 02 ngày 25/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 18.000.000.000 VNĐ (Mười tám tỷ đồng chẵn)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 02 ngày 25/05/2015, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh xăng dầu.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015, Công ty đã thực hiện bù lỗ lũy kế đến thời điểm 30/06/2015 bằng nguồn quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị là 18.879.838.662 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2016, căn cứ biên bản họp HĐQT số 610/BB-MĐ ngày 30/12/2015, Công ty đã thực hiện tinh giảm biên chế một số cán bộ nhân viên đã lớn tuổi không sắp xếp được công việc phù hợp. Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả các khoản hỗ trợ lao động dôi dư, tiền lương phép, đóng bảo hiểm đủ số năm cho người lao động. Tổng giá trị khoản hỗ trợ đã ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính là 5.965.829.956 đồng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng giao dịch.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động, các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty được khấu hao trong 20 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 8 năm tiếp theo;
- Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	301.045.053	481.505.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.051.719.603	8.191.774.525
+ VND	2.048.912.311	8.189.207.959
+ CNY	2.807.292	2.566.566
	2.352.764.656	8.673.279.596

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - CNY	826,89	2.807.292
		2.807.292

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng**5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặng Thái San	381.578.600	216.388.350
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	345.320.000	340.879.810
Công ty CPTM&DV Song Phương	13.590.000.000	
Công ty khoáng sản & thương mại Tiến	432.674.500	
Các khách hàng khác	6.677.652.312	6.580.062.737
	21.427.225.412	7.137.330.897

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn**5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH N.G Sơn Lâm	287.400.000	151.200.000
Công ty cổ phần cơ điện ASO (TX Sông công - Thái nguyên)	74.700.000	
Doanh nghiệp tư nhân Huệ Lâm - TP Cao Bằng	33.000.000	142.000.000
Trung tâm công nghệ tài nguyên nước	160.000.000	160.000.000
Nguyễn văn Thợi - Doanh nghiệp tư nhân Trường Giang		600.000.000
Các nhà cung cấp khác	30.740.000	24.440.000
	585.840.000	1.077.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	Số cuối năm Dự phòng VND	Giá trị VND	Số đầu năm Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	248.669.717		341.276.055	
Tạm ứng	1.522.300.000		2.917.561.926	
Phải thu tiền hàng của Công ty TNHH Cao Cường	171.411.000	-	1.022.661.000	(608.113.090)
Các khoản chi hộ - xăng dầu vận chuyển mía			594.641.283	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	314.482.000	(75.332.000)	598.543.243	(5.564.964)
	2.256.862.717	(75.332.000)	5.474.683.507	(613.678.054)

5.5 Nợ xấu

	Giá gốc VND	Số cuối năm Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Giá trị có thẻ thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu khách hàng				
Phải thu các hộ vùng nguyên liệu			35.114.716	-
Hà Thị Thoa	42.120.000	-	42.120.000	-
Kiểu Văn Đông	-	-	165.450.000	-
Ngọc Thị Tuyết	70.560.000	-	131.078.506	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Cao Cường			1.022.661.000	414.547.910
Hoàng Văn Nghiệp	2.500.000	-	5.564.964	-
Nguyễn Thị Thủy	62.832.000	-		
Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-		
	188.012.000	-	1.401.989.186	414.547.910

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/07/2015	(987.441.276)		(987.441.276)
Hoàn nhập dự phòng	87.660.770		87.660.770
Dùng nguồn dự phòng xóa nợ khó đòi	711.768.506		711.768.506
Tại ngày 30/06/2016	(188.012.000)	-	(188.012.000)

5.6 Hàng tồn kho

	Giá gốc VND	Số cuối năm Dự phòng VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.556.941.493		1.953.027.120	
Công cụ, dụng cụ	2.411.832.626		2.648.330.775	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.549.214		320.616.000	
Thành phẩm	20.091.054.104		45.566.534.847	
Hàng hóa	98.960.756		402.728.779	
Hàng gửi đi bán	26.357.889		19.579.751	
	24.230.696.082	-	50.910.817.272	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ	221.225.790	534.722.902
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền	8.714.915.381	8.777.264.487
Các chi phí trả trước dài hạn khác	268.111.607	738.210.999
	9.204.252.778	10.050.198.388

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/07/2015	55.091.564.765	162.495.189.388	3.682.683.236	264.324.244	221.533.761.633
Mua trong kỳ		793.616.014			793.616.014
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	589.489.999	175.045.455			764.535.454
Tại ngày 30/06/2016	55.681.054.764	163.463.850.857	3.682.683.236	264.324.244	223.091.913.101
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/07/2015	30.251.217.399	107.917.226.913	2.154.493.689	222.199.997	140.545.137.998
Khấu hao trong năm	2.275.315.428	6.626.664.834	427.923.133	4.987.500	9.334.890.895
Tại ngày 30/06/2016	32.526.532.827	114.543.891.747	2.582.416.822	227.187.497	149.880.028.893
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/07/2015	24.840.347.366	54.577.962.475	1.528.189.547	42.124.247	80.988.623.635
Tại ngày 30/06/2016	23.154.521.937	48.919.959.110	1.100.266.414	37.136.747	73.211.884.208
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.296.918.618 VND					
Tại ngày 01/07/2015	6.575.207.235	68.366.097.860	511.368.436	180.000.793	75.632.674.324
Tại ngày 30/06/2016	10.643.414.746	68.917.711.192	511.368.436	224.424.244	80.296.918.618

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/07/2015	4.814.679.343	117.409.091	4.932.088.434
Mua trong năm	21.280.000		21.280.000
Tại ngày 30/06/2016	4.835.959.343	117.409.091	4.953.368.434
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/07/2015	158.290.297	35.875.000	194.165.297
Khấu hao trong năm	52.763.432	17.937.500	70.700.932
Tại ngày 30/06/2016	211.053.729	53.812.500	264.866.229
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/07/2015	4.656.389.046	81.534.091	4.737.923.137
Tại ngày 30/06/2016	4.624.905.614	63.596.591	4.688.502.205

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.175.946.415	816.081.818	764.535.454	225.255.356	5.002.237.423
Dự án Trại mía giống	442.919.903				442.919.903
Dự án khu dân cư	4.559.317.520				4.559.317.520
Dự án kho vi sinh	12.046.364			12.046.364	-
Dự án nâng cấp cải tạo nhà xưởng thiết bị	161.662.628	816.081.818	764.535.454	213.208.992	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	657.863.227	824.547.272		1.482.410.499	-
	5.833.809.642	1.640.629.090	764.535.454	1.707.665.855	5.002.237.423

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lương công Hoạt (Nà seo - HT)	-	2.754.822.361
Công ty TNHH Thương mại Thiên Chính	127.343.700	
Công ty cổ phần bao bì Đồng Phú	302.832.750	472.269.600
Công ty CP CNN Tiến Nông	195.000.000	
Công ty khoáng sản & TM Tiến Hiếu	382.593.750	
Các nhà cung cấp khác	100.247.911	36.411.001
	1.108.018.111	3.263.502.962

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	795.130.887	-	9.604.302.846	8.607.579.928	1.791.853.805	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	154.719.094	154.719.094	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.819.957	1.819.957	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	872.402.242	872.402.242	-	-
Các loại thuế khác	-	-	17.551.470	17.551.470	-	-
Cộng	795.130.887	-	10.650.795.609	9.654.072.691	1.791.853.805	-

/

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn**5.13.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.439.601.734	1.632.547.983
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	192.000.000	96.000.000
	1.631.601.734	1.728.547.983

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	344.091.756	331.130.983
Bảo hiểm xã hội	-	409.858.050
Phải trả tiền bảo hành công trình	88.833.397	426.283.397
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.704.889.993	1.462.936.151
	2.137.815.146	2.630.208.581

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
1> Vay ngắn hạn		VND		VND		VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà <1>	28.870.000.000	28.870.000.000	50.150.000.000	75.300.000.000	54.020.000.000	54.020.000.000
Vay cá nhân <2>	28.500.000.000	28.500.000.000	50.000.000.000	71.500.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
	370.000.000	370.000.000	150.000.000	3.800.000.000	4.020.000.000	4.020.000.000
2> Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - TP Cao Bằng	6.517.766.141	6.517.766.141	6.517.766.141	-	-	-
Ngân hàng Phát triển tỉnh Cao Bằng	438.755.093	438.755.093	438.755.093			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà	1.079.011.048	1.079.011.048	1.079.011.048			
	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000			
	35.387.766.141	35.387.766.141	56.667.766.141	75.300.000.000	54.020.000.000	54.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiết các hợp đồng vay**<1> Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phục Hoà**

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8312LAV201600190/HĐTD ngày 26 tháng 02 năm 2016.

Tổng mức cấp tín dụng được cấp là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ đồng), trong đó hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 (hạn mức này bao gồm dư nợ 50.000.000.000 đ của hợp đồng tín dụng số 8312LAV-201500120 ngày 23 tháng 01 năm 2015 chuyển sang được theo dõi tại hợp đồng này). Mục đích vay vốn là để mua mía nguyên liệu, mua nguyên nhiên vật liệu khác phục vụ sản xuất và mua mía giống, phân bón, vôi bột ứng trước cho người trồng mía. Thời hạn cho vay của hợp đồng là theo chu kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và khả năng trả nợ của công ty nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng mức lãi suất có điều chỉnh (03 tháng/lần) trên cơ sở lãi suất thông báo của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng áp dụng trong từng thời kỳ, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng áp dụng mức lãi suất ưu đãi 7%/năm; mức lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mức lãi suất theo tháng là 30 ngày, theo năm là 365 ngày. Hình thức bảo đảm tiền vay là: thế chấp và tín chấp. Nghĩa vụ trả nợ của Công ty tại hợp đồng HMTD này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: 001/TC-2013 ngày 28/02/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 003/TC-2013 ngày 28/02/2013, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/12/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 222014/TC-2014 ngày 24/12/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 110616/PLHHDTC ngày 14/06/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 242014/TC-2014 ngày 24/12/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 78/2015/HĐTC ngày 12/01/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 12062016/TC-2016 ngày 14/06/2016; hợp đồng thế chấp tài sản 13062016/TC-2016 ngày 14/06/2016.

<2> Khoản vay cá nhân

Theo hợp đồng vay giữa các cá nhân và Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động đầu tư cho vụ sản xuất 2015 – 2016. Lãi suất tiền vay nếu thời hạn vay dưới 3 tháng là 2%/năm, thời hạn vay trên 3 tháng là 6%/năm. Thời gian tính lãi tiền vay từ ngày công ty nhận tiền vay cho đến ngày trả nợ tiền vay. Hình thức đảm bảo của khoản vay là tín chấp.

<3> Các khoản vay dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay dài hạn được thuyết minh tại mục 5.15.2

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	-	-	-	14.434.352.239	14.434.352.239	14.434.352.239
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - TP Cao Bằng <1>	-	-	-	2.571.596.375	2.571.596.375	2.571.596.375
Ngân hàng Phát triển tỉnh Cao Bằng <2>	-	-	-	3.362.755.864	3.362.755.864	3.362.755.864
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà <3>	-	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
	-	-	-	14.434.352.239	14.434.352.239	14.434.352.239

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.**<1> Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - TP Cao Bằng:**

Thực hiện theo biên bản làm việc ngày 23 tháng 6 năm 2006 tại Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng về việc điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay dài hạn của Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng. Số dư nợ đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 438.755.093 đồng với lãi suất 5,4%/năm.

Toàn bộ khoản vay phải trả trong năm tiếp theo.

<2> Ngân hàng phát triển Việt Nam – chi nhánh Ngân hàng Phát triển Cao Bằng:

Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 06/2006/HĐTD ngày 15 tháng 12 năm 2006 với tên dự án: nhà máy đường Phục Hoà. Bên cho vay đồng ý cho Công ty vay với số tiền là 33.170.091.000 đồng, dư nợ vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.079.011.048 đồng. Mục đích sử dụng vay để đầu tư xây dựng Nhà máy đường Phục Hoà. Thời hạn cho vay là 240 tháng kể từ tháng 12/1996, thời gian ân hạn 60 tháng và thời hạn trả nợ gốc là 180 tháng kể từ tháng 01 năm 2002. Lãi suất áp dụng 5,4%/năm (0,45%/tháng) kể từ ngày 01/01/2004 trên số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 28.260.091.000 đồng. Hình thức bảo đảm tiền vay được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/2006/HĐTCTS – TL ngày 19/06/2006 đã ký giữa Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và Quỹ Hỗ trợ phát triển – Chi nhánh Quỹ HTPT Cao Bằng và Bản xác nhận tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 02/2006/HĐTCTS – TL ngày 19/06/2006 đã ký giữa Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Cao Bằng.

Toàn bộ số dư khoản vay theo hợp đồng phải trả trong năm tiếp theo.

<3> Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phục Hoà

Hợp đồng tín dụng số 8312-LAV-201300651/HĐTD ngày 22 tháng 05 năm 2013. Số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bù đắp dự án "Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực chế biến 1.800 tấn mía/ngày". Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm. Hình thức đảm bảo cho vay là tài sản theo HĐTC số: 001/TC-2013 ngày 28/02/2013, 002/TC-2013 ngày 28/02/2013, 003/TC-2013 ngày 28/02/2013.

Toàn bộ số dư khoản vay theo hợp đồng phải trả trong năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Năm trước							
Tại ngày 01/07/2014	15.283.560.000		47.474.957.000	6.297.580.632	33.906.100.774	(12.331.320.034)	90.630.878.372
Trích các quỹ							
Lãi trong năm	2.716.440.000	3.943.264.691				(6.548.518.628)	(6.548.518.628)
Tăng vốn trong năm							6.659.704.691
Phân phối lợi nhuận							-
Giảm khác							-
Tại ngày 30/06/2015	18.000.000.000	3.943.264.691	47.474.957.000	6.297.580.632	33.906.100.774	(18.879.838.662)	90.742.064.435
Năm nay							
Tại ngày 01/07/2015	18.000.000.000	3.943.264.691	53.772.537.632		33.906.100.774	(18.879.838.662)	90.742.064.435
Trích các quỹ			-				-
Lãi trong kỳ						6.574.853.673	6.574.853.673
Dùng quỹ khác thuộc vốn CSH để bù lỗ lũy kế					(18.879.838.662)	18.879.838.662	-
Tại ngày 30/06/2016	18.000.000.000	3.943.264.691	53.772.537.632	-	15.026.262.112	6.574.853.673	97.316.918.108

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nông Văn Lạc	6.685.300.000	6.505.100.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ đông khác	10.314.700.000	10.494.900.000
	18.000.000.000	18.000.000.000

5.16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty CP Mía đường Cao Bằng thực hiện bù lỗ lũy kế bằng nguồn quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị là 18.879.838.662 đồng.

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.17.1 Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhân dân tệ (CNY)	826,89	729,76

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.17.2 Hàng hóa, tài sản nhận giữ hộ

Khách hàng/Mặt hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Số lượng
Công ty CP TM và DV Song Phương				
+ Đường bao 50kg	kg	2.175.950	kg	988.000
Trần Quốc Chiến				
+ Đường túi 1kg	kg	4.000		
Lâm Thị Huyện				
+ Đường túi 1kg	kg	600		
Chu Thị Hương Giang				
+ Đường túi 1kg	kg	50		
Đinh Ích Bôi				
+ Phân bón thúc mía 2	kg	1.500		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.11.1 Tổng doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	228.045.862.885	205.042.641.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
	228.045.862.885	205.042.641.454

6.11.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP TM&DV Song Phương	179.727.272.727	155.887.545.455

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	61.667.619	5.600.000
Hàng bán trả lại	-	-
	61.667.619	5.600.000

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	203.844.190.752	198.753.040.742
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
	203.844.190.752	198.753.040.742

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.060.310	61.997.833
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.441.513	10.605.134
	92.501.823	72.602.967

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.390.645.815	6.090.815.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.838.219	3.617.206
Chi phí tài chính khác	116.134.043	
	3.538.618.077	6.094.432.527

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	159.181.037	155.870.780
Chi phí khấu hao	128.180.364	128.180.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.125.533	764.421.941
Chi phí bằng tiền khác	146.075.919	195.842.359
	1.098.562.853	1.244.315.444

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.668.708.262	2.184.549.283
Chi phí đồ dùng văn phòng	333.818.627	349.134.718
Chi phí khấu hao	814.442.076	794.273.885
Thuế, phí và lệ phí	889.953.712	162.087.200
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(87.660.770)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.095.582.678	633.333.064
Chi phí bằng tiền khác	3.264.942.251	1.795.805.037
	7.979.786.836	5.919.183.187

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ		52.420.176
Bán phân bón, mía giống, bã bunn	3.676.179.770	1.998.748.571
Các khoản khác	27.769.828	771.138.027
	3.703.949.598	2.822.306.774

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống, thuốc diệt cỏ, vôi bột	3.496.789.328	1.997.225.687
Chi phí xử lý xóa nợ khó đòi và tài sản không thu hồi được	727.961.794	
Chi phí hỗ trợ người lao động cho nghỉ việc do không sắp xếp được việc làm	4.282.750.083	
Các khoản khác	237.133.291	472.272.236
	8.744.634.496	2.469.497.923

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.574.853.673	(6.548.518.628)
Bù lỗ lũy kế	(11.653.525.966)	
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	5.078.672.293	-
Phạt vi phạm hành chính thuế	15.985.416	
Chi phí không hợp lệ	5.062.686.877	
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(6.548.518.628)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.11 Lãi trên cổ phiếu**6.11.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.574.853.673	(6.548.518.628)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(657.485.367)	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.917.368.306	(6.548.518.628)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.800.000	1.541.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.287	(4.247)

6.11.4 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu	5.917.368.306	(6.548.518.628)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.800.000	1.541.938
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.287	(4.247)

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.611.960.582	158.671.442.233
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.509.731.309	11.764.857.809
Chi phí nhân công	16.989.589.002	21.724.330.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.405.591.827	10.297.185.893
Thuế, phí, lệ phí	889.953.712	162.087.200
Chi phí dự phòng	(87.660.770)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.380.810.669	3.869.658.482
Chi phí bằng tiền khác	3.594.789.639	2.042.727.396
	187.294.765.970	208.532.289.300

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phát hành tăng vốn cần trừ nợ vay ngắn hạn		2.500.000.000
	<u>-</u>	<u>2.500.000.000</u>

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.150.000.000	75.870.000.000
	<u>50.150.000.000</u>	<u>75.870.000.000</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	83.216.586.098	77.430.975.545
	<u>83.216.586.098</u>	<u>77.430.975.545</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa

Rủi ro lãi suất

Lãi suất của các khoản vay phụ thuộc vào lãi suất công bố của Ngân hàng thương mại, do đó việc thay đổi lãi suất sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 30 tháng 06 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	35.387.766.141	-	35.387.766.141
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	1.108.018.111	-	1.108.018.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	3.425.325.124	-	3.425.325.124
	39.921.109.376	-	39.921.109.376
Ngày 01 tháng 07 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	54.020.000.000	14.434.352.239	68.454.352.239
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	3.263.502.962	-	3.263.502.962
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	3.617.767.531	-	3.617.767.531
	60.901.270.493	14.434.352.239	75.335.622.732

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Chi tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		01/07/2015		30/06/2016	01/07/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.352.764.656	-	8.673.279.596	-	2.352.764.656	8.673.279.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.684.088.129	(188.012.000)	12.612.014.404	(987.441.276)	23.496.076.129	11.624.573.128
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	26.036.852.785	(188.012.000)	21.285.294.000	(987.441.276)	25.848.840.785	20.297.852.724
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHTN, BHYT)	2.901.741.501	-	5.152.722.510	-	2.901.741.501	5.152.722.510
Vay và nợ ngắn hạn	35.387.766.141	-	54.020.000.000	-	35.387.766.141	54.020.000.000
Chi phí phải trả	1.631.601.734	-	1.728.547.983	-	1.631.601.734	1.728.547.983
Vay và nợ dài hạn	-	-	14.434.352.239	-	-	14.434.352.239
Tổng cộng	39.921.109.376	-	75.335.622.732	-	39.921.109.376	75.335.622.732

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngày kết thúc năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	135.720.000
Lương Ban Tổng giám đốc	Lương kỳ 01/07/2015 đến 30/06/2016	338.029.576

9.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC. Công ty đã thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để phù hợp so sánh. Cụ thể:

Chỉ tiêu	01/07/2015	30/06/2015	Phân loại lại
Trên Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.132.090.312	9.784.651.202	3.347.439.110
Phải thu ngắn hạn khác	5.474.683.507	2.557.121.581	2.917.561.926
Tài sản thiếu chờ xử lý	429.877.184		429.877.184
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.347.439.110	(3.347.439.110)
Tài sản cố định	85.726.546.772	91.560.356.414	(5.833.809.642)
Tài sản dở dang dài hạn	5.833.809.642	-	5.833.809.642
Quỹ đầu tư phát triển	53.772.537.632	47.474.957.000	6.297.580.632
Quỹ dự phòng tài chính	-	6.297.580.632	(6.297.580.632)
Trên kết quả kinh doanh			
Thu nhập khác	2.822.306.774	2.834.432.053	(12.125.279)
Chi phí khác	2.469.497.923	2.481.623.202	(12.125.279)

9.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

ĐÀM THỊ HUYỀN

Người lập

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng



NÔNG VĂN LẠC

Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 09 năm 2016



Phan Văn Báo